

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ,
dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020,
tầm nhìn đến năm 2030**

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, chương trình của Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây được gọi tắt là nhiệm vụ, dự án);

b) Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước về đa dạng sinh học thuộc các nguồn kinh phí khác (như nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn kinh phí các chương trình, nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, Ban quản lý khu bảo tồn được giao thực hiện nhiệm vụ, dự án; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án

1. Kinh phí ngân sách nhà nước

a) Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án do các Bộ, cơ quan trung ương chủ trì thực hiện;

b) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án do các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện.

Các dự án phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.

2. Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (nếu có).

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án phải theo đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đúng chế độ; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán kinh phí đã sử dụng, chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nhiệm vụ chi từ nguồn ngân sách trung ương

1. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường

a) Quan trắc về đa dạng sinh học quốc gia;

b) Xây dựng báo cáo về đa dạng sinh học toàn quốc; báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn do trung ương quản lý;

c) Lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước; lập, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của Bộ, cơ quan trung ương;

d) Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học;

đ) Lập, thẩm định, điều chỉnh Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Danh mục loài ngoại lai xâm hại, Danh mục loài hoang dã bị cấm khai thác trong tự nhiên, Danh mục loài hoang dã được khai thác có điều kiện ngoài tự nhiên, Danh mục nguồn gen bị cấm xuất khẩu; điều tra, đánh giá quần thể để sửa đổi, bổ sung Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

e) Lập hồ sơ đề cử các khu bảo tồn đạt các danh hiệu quốc tế về bảo tồn, bao gồm các khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar), khu dự trữ sinh quyển, vườn di sản ASEAN;

g) Phân vùng, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm cấp quốc gia, cấp vùng;

h) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học đến cấp tỉnh;

i) Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng chiến lược, kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp quốc gia và vùng;

k) Hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học (bao gồm đối ứng thực hiện các dự án quốc tế mà Việt Nam được tài trợ và báo cáo quốc gia thực hiện các điều ước quốc tế về đa dạng sinh học);

l) Chi hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học.

2. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế

a) Xây dựng các chương trình, đề án, bao gồm: Chương trình kiểm soát buôn bán, tiêu thụ các loài nguy cấp; Đề án phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái; Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên; Đề án kiện toàn hệ thống tổ chức về đa dạng sinh học; Đề án tăng cường phòng, chống tội phạm về đa dạng sinh học và các chương trình, đề án khác theo quy định của pháp luật;

Kinh phí thực hiện các chương trình, đề án nêu trên theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo tính chất của từng nguồn vốn và theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Chi hoạt động của Ban quản lý khu bảo tồn do trung ương quản lý;

c) Lập, thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia có diện tích thuộc địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên theo phân công của Chính phủ;

d) Xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học ở trung ương;

đ) Các nhiệm vụ khác có liên quan đến đa dạng sinh học ở trung ương.

3. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học

a) Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; nghiên cứu, ứng dụng phát triển các mô hình về bảo tồn đa dạng sinh học;

b) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực quản lý an toàn sinh học; phát hiện và xác định các sinh vật biến đổi gen, sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; phân tích, đánh giá rủi ro và quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen;

c) Nghiên cứu và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi bản địa có giá trị đang bị đe dọa tuyệt chủng; nghiên cứu, đánh giá về mức độ tổn thương đa dạng sinh học của các hệ sinh thái, vùng sinh thái; đánh giá hiện trạng, phân tích nguy cơ xâm hại và mức độ xâm hại của các loài ngoại lai xâm hại;

d) Nghiên cứu áp dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái, tiếp cận nguồn gen; các công cụ kinh tế trong bảo tồn đa dạng sinh học;

đ) Nghiên cứu các phương pháp khoa học, các công nghệ bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen; lưu giữ nguồn gen động vật, thực vật và vi sinh vật; bảo tồn tại chỗ và chuyển chỗ các loài hoang dã, giống cây trồng, vật nuôi và các chủng vi sinh vật quý, hiếm; tri thức truyền thống về nguồn gen;

e) Nghiên cứu cập nhật, biên soạn, tái xuất bản Sách đỏ Việt Nam;

g) Các nghiên cứu khoa học khác có liên quan đến đa dạng sinh học.

4. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp đào tạo

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học cho cán bộ của Trung ương, các khu bảo tồn do Trung ương quản lý.

Điều 4. Nhiệm vụ chi từ nguồn ngân sách địa phương

1. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường

a) Quan trắc đa dạng sinh học của địa phương;

b) Xây dựng báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của địa phương; báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn do địa phương quản lý;

c) Lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Thống kê đa dạng sinh học theo quyết định của cấp có thẩm quyền; xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học của địa phương;

đ) Lập báo cáo về loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ tại địa phương;

e) Lập hồ sơ đề cử các khu bảo tồn đạt các danh hiệu quốc tế về bảo tồn, bao gồm các khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar), khu dự trữ sinh quyển, vườn di sản ASEAN;

g) Phân vùng, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm do địa phương quản lý;

h) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học của địa phương;